

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28-8-2024

Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Ngô Phiên;
2. Bà Nông Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 25/7/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 22 /2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1985 - (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đồng Tâm, xã Đồng Kỳ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;

Nơi ở: Thôn Đụn 2, xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh **Đỗ Văn D**, sinh năm 1983 - (Vắng mặt)

Nơi cư trú: **Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản ghi ý kiến, biên bản hòa giải và ý kiến trong hồ sơ vụ án chị **Nguyễn Thị H** trình bày:

Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Đỗ Văn D** quen nhau qua quen biết bạn bè, tìm hiểu nhau được nửa năm, được sự đồng ý của hai bên gia đình tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 15 /8/ 2016, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và chung sống với nhau từ đó. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 3 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân: Vợ chồng không hợp nhau, không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, anh **D** là người cục xúc thường xuyên đánh chị (do giữ cho gia đình nên chị không báo chính quyền địa phương và công an) đến

năm 2024 thì mâu thuẫn trở lên trầm trọng và ảnh hưởng tới con cái và chị về nhà ngoại sinh sống từ đó đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh **Đỗ Văn D**.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là: **Đỗ Bảo N**, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2017 và **Đỗ Bảo K**, sinh ngày 15 tháng 04 năm 2022. Hiện hai cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, cháu **N** đi học và cháu **K** còn bé. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu, không yêu cầu anh **D** cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị đang đi làm công ty với lương 12.000.000 đồng/tháng. Chị không tăng ca, không làm thêm và làm với thời gian 8,8 tiếng/ngày và hiện ở cùng bố mẹ đẻ nên có đủ thời gian, kinh tế để chăm lo cho cả 02 con.

Về tài sản chung, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản ghi ý kiến anh **Đỗ Văn D** trình bày:

Anh và chị **Nguyễn Thị H** quen nhau qua bạn bè, tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** vào ngày 15/8/2016. Sau đó tổ chức hôn lễ theo nghi thức truyền thống và chung sống với nhau ở **thôn Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì vợ chồng cãi nhau do chị **H** nghe hàng xóm, không nghe chồng về đến nhà là cãi nhau với chồng, đánh con, nghe hàng xóm nghĩ là mẹ chồng nói xấu con dâu và cãi nhau với chồng nên vợ chồng mâu thuẫn, không những thế chị **H** còn kể chuyện với ông bà ngoại nên gia đình nhà vợ bắt bỏ chồng bỏ con. Từ tết 2024, chị **H** về nhà ngoại ở không về thăm con. Hiện anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không bỏ vợ, không bỏ con nên chị **H** có đơn xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là: **Đỗ Bảo N**, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2017 và **Đỗ Bảo K**, sinh ngày 15 tháng 04 năm 2022. Hiện hai cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, cháu **N** đi học và cháu **K** còn bé. Nếu phải ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi cả 02 con, không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh ngày 01/7/2024 chính quyền địa phương **xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** cung cấp như sau: Chị **H**, anh **D** sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** vào ngày 15/8/2016. Sau đó tổ chức hôn lễ và sinh sống ở bên **xã H** đến năm 2017 chuyển sang chung sống ở **thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Trong cuộc sống thời gian đầu hạnh phúc sau thì xảy ra mâu thuẫn: chị **H** thường xuyên bỏ về bên nhà mẹ đẻ sinh sống được một thời gian thì hòa giải về ở với nhau nhưng đến đầu năm 2024 mâu thuẫn trở lên cao điểm chị **H** về ngoại sống và không về địa phương nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Về mâu thuẫn cụ thể do đâu thì địa phương không nắm được chỉ biết là do quan điểm sống không hợp và

bất đồng quan điểm. Vợ chồng chị **H**, anh **D** có hai con chung là: **Đỗ Bảo N**, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2017 và **Đỗ Bảo K**, sinh ngày 15 tháng 04 năm 2022. Hiện hai cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, cháu **N** đi học. Hộ gia đình anh **D**, chị **H** không thuộc hộ nghèo, không thuộc hộ cận nghèo, đối chiếu quy định miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì đều không thuộc đối tượng.

* Tại bản sao kê tài khoản của chị **Nguyễn Thị H** ở **Ngân hàng V** ngày 03/4/2024 xác định lương của chị **H**: ngày 19/01/2024 là 8.823.257 đồng, ngày 31/01/2024 là 6.740.000 đồng, ngày 21/02/2024 là 7.860.588 đồng, ngày 29/02/2024 là 7.414.000 đồng, ngày 21/3/2024 là 12.623.235 đồng.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn với anh **Đỗ Văn D**

Về con chung: Giao cho anh **Đỗ Văn D** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu **Đỗ Bảo N**, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2017 và giao cho chị **Nguyễn Thị H** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu **Đỗ Bảo K**, sinh ngày 15 tháng 04 năm 2022. Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét.

Về án phí: chị **H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị **H** xin ly hôn với anh **D**; **Anh D1** có địa chỉ cư trú tại **huyện Y, tỉnh Bắc Giang** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **D1**, chị **H**; Chị **H** vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **D1** vắng mặt lần thứ hai không có lí do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị **H**, anh **D1**.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **H**, anh **D1** có đăng ký kết hôn ngày 15/8/2016 tại UBND xã **H**, huyện **Y**, tỉnh **Bắc Giang**. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua lời khai của chị **H**, anh **D1**, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương có căn cứ khẳng định: Vợ chồng chị **H**, anh **D1** chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không hợp tính tình. Đến đầu năm 2024 mâu thuẫn trở lên trầm trọng, chị **H** về ngoại sinh sống và vợ chồng sống ly thân, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị **H** xin ly hôn anh **D1** là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con: Vợ chồng có hai con chung là: **Đỗ Bảo N**, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2017 và **Đỗ Bảo K**, sinh ngày 15 tháng 04 năm 2022. Theo ý kiến của chị **H**: "Cháu **N** hơn 2 tuổi phát hiện bị phổ tự kỷ và đi chữa trị, hiện cháu khỏe mạnh nhưng về nhận thức so với trẻ cùng lứa là còn hơi yếu; Cháu **Bảo K** bị dính lưỡi và phát hiện ra đi chữa trị vào tháng 3/2024, hiện chưa nói sõi". Nhưng hiện tại chị **H**, anh **D1** và chính quyền địa phương đều khẳng định hiện cháu **N**, cháu **K** đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Chị **H** làm công ty và có thu nhập ổn định. Cháu **Bảo K** hiện dưới 3 tuổi. Cháu **Bảo N** từ khi chị **H**, anh **D1** sống ly thân thì cháu ở cùng anh **D1** và hiện đang đi học ở trường tiểu học **D**. Do đó để ổn định cuộc sống, việc học tập và đảm bảo cho các cháu phát triển khỏe mạnh bình thường cần giao cháu **Bảo N** cho anh **D1** chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu **Bảo K** cho chị **H** chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị **H**, anh **D1** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị **H**, anh **D1** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia

đình. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị H**: Xử cho chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn anh **Đỗ Văn D**.

3. Về việc nuôi con: Giao cho anh **Đỗ Văn D** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu **Đỗ Bảo N**, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2017 và giao cho chị **Nguyễn Thị H** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu **Đỗ Bảo K**, sinh ngày 15 tháng 04 năm 2022. Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

4. Về tài sản, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tiền án phí: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng chị **H** đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004957 ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu. Xác nhận chị **Nguyễn Thị H** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Hồng Kỳ, huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hồng Thảo